SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH

(Đề có 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024-2025
Môn: Ngữ văn - Lớp 8
*Thời gian làm bài: **90** phút (không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TỰ TRÀO*

Nguyễn Khuyến**

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng.
Cờ đương dở cuộc không còn nước[1],
Bạc chửa thâu canh đã chạy làng[2].
Mở miệng nói ra gàn bát sách[3],
Mềm môi[4] chén mãi tít cung thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,
Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng[5].

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Hoàng Hữu Yên sưu tầm, NXB Giáo dục Việt Nam 1990)

(*) *Tự trào*: tự châm biếm, chế giễu.
(**) *Nguyễn Khuyến*: quê ở xã Yên Đổ (Hà Nam) từng đỗ đầu ba kì thi. Ông làm quan trong thời kì lịch sử rối ren nên sớm cáo quan về ở ẩn. Thơ ông thể hiện niềm tâm sự u buồn của một nhà nho yêu nước, thương dân nhưng bất lực với thời cuộc.
(1) *nước*: một bước đi quân trong trò chơi cờ, ý nói thời cuộc diễn biến dở chừng mà nước đã mất, bế tắc như thế cờ bí.
(2) *chạy làng*: bỏ cuộc giữa chừng, chối bỏ trách nhiệm, để chỉ việc chưa trọn đời làm quan mà bỏ về ở ẩn như con bạc chạy làng.
(3) *gàn bát sách*: chỉ những người nói dở nói gàn, hành động và suy nghĩ trái với lẽ thường.
(4) *mềm môi*: ý chỉ uống rượu say mềm môi.
(5) *bia xanh*, *bảng vàng*: theo chế độ thi cử thời xưa người đỗ tiến sĩ được ghi họ tên lên bảng nền vàng vẽ rồng hoặc khắc tên vào bia đá để vinh danh.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Văn bản được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Từ *làng nhàng* trong câu thơ *Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng,* có tác dụng như thế nào trong việc tự phác hoạ bức chân dung tác giả?

Câu 3. Câu thơ *Mềm môi chén mãi tít cung thang* thể hiện thái độ gì của nhà thơ trước xã hội đương thời?

Câu 4. Nhận xét về giọng điệu tự trào được thể hiện trong hai dòng thơ cuối (*trình bày khoảng 3-5 dòng*).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. ***(2,0 điểm)*** Viết đoạn văn (*khoảng 100 chữ*) trình bày ý kiến về vấn đề: *Học sinh cần làm gì để góp phần xây dựng văn hoá học đường?*

Câu 2. ***(4,0 điểm)*** Viết bài văn nghị luận (*khoảng 300 chữ*) phân tích bài thơ *Tự trào* của Nguyễn Khuyến.

--------HẾT-------

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024-2025
Môn: Ngữ văn - Lớp 8
*Thời gian làm bài: **90** phút (không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TỰ TRÀO*

Nguyễn Khuyến**

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng.
Cờ đương dở cuộc không còn nước[1],
Bạc chửa thâu canh đã chạy làng[2].
Mở miệng nói ra gàn bát sách[3],
Mềm môi[4] chén mãi tít cung thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,
Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng[5].

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Hoàng Hữu Yên sưu tầm, NXB Giáo dục Việt Nam 1990)

(*) *Tự trào*: tự châm biếm, chế giễu.
(**) *Nguyễn Khuyến* quê ở xã Yên Đổ (Hà Nam) từng đỗ đầu ba kì thi. Làm quan trong thời kì lịch sử rối ren nên ông sớm cáo quan về ở ẩn. Thơ ông thể hiện niềm tâm sự u buồn của một nhà nho yêu nước, thương dân nhưng bất lực với thời cuộc.
(1) *nước*: một bước đi quân trong trò chơi cờ, ở đây ý nói thời cuộc diễn biến dở chừng mà nước đã mất, bế tắc như thế cờ bí.
(2) *chạy làng*: bỏ cuộc giữa chừng, chối bỏ trách nhiệm, ý thơ chỉ việc chưa trọn đời làm quan mà bỏ về ở ẩn như con bạc chạy làng.
(3) *gàn bát sách*: ý chỉ những người nói dở nói gàn, hành động và suy nghĩ trái với lẽ thường.
(4) *mềm môi*: ý chỉ uống rượu say mềm môi.
(5) *bia xanh*, *bảng vàng*: Theo chế độ thi cử thời xưa người đỗ tiến sĩ được ghi họ tên lên bảng nền vàng vẽ rồng hoặc khắc tên vào bia đá để vinh danh.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Văn bản được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Từ *làng nhàng* trong câu thơ *Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng,* có tác dụng như thế nào trong việc tự phác hoạ bức chân dung tác giả?

Câu 3. Câu thơ *Mềm môi chén mãi tít cung thang* thể hiện thái độ gì của nhà thơ trước xã hội đương thời?

Câu 4. Nhận xét về giọng điệu tự trào được thể hiện trong hai dòng thơ cuối (*trình bày khoảng 3-5 dòng*).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 ***(2,0 điểm).***

Viết đoạn văn (*khoảng 100 chữ*) trình bày ý kiến về vấn đề: *Học sinh cần làm gì để góp phần xây dựng văn hoá học đường?*

Câu 2 ***(4,0 điểm).***

Viết bài văn nghị luận (*khoảng 300 chữ*) phân tích bài thơ *Tự trào* của Nguyễn Khuyến.

--------Hết-------

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH

HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn: Ngữ văn - Lớp 8

(Hướng dẫn chấm có 03 trang)

Phần/ Câu	Nội dung	Điểm
	ĐỌC HIỂU	**4,0**
1	Văn bản được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. *HDC: Học sinh trả lời thể thơ "thất ngôn bát cú" đạt 0,5 điểm, trả lời thể thơ "thất ngôn" đạt 0,25 điểm.*	0,5
2	Từ *làng nhàng* trong câu thơ *Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng,* có tác dụng gợi tả dáng vẻ hơi gầy, có ý chế giễu vóc dáng bản thân khi tác giả tự phác hoạ chân dung mình. *HDC: Học sinh diễn đạt bằng từ ngữ tương đương, đạt điểm tối đa.*	1,0
3	Câu thơ *Mềm môi chén mãi tít cung thang* thể hiện thái buồn chán của tác giả. *HDC: Học sinh diễn đạt bằng từ ngữ tương đương đạt điểm tối đa.*	1,0
4	Giọng điệu tự trào trong hai dòng thơ cuối là tiếng cười mỉa mai, châm biếm. Nghĩ về mình, nhà thơ thấy đáng cười vì bản thân bình thường mà vẫn được ghi vào bia xanh, bảng vàng khoa cử. *HDC: Học sinh diễn đạt bằng từ ngữ tương đương đạt điểm tối đa.*	1,5
	VIẾT	**6,0**
1	Viết đoạn văn (*khoảng 100 chữ*) trình bày ý kiến về vấn đề: *Học sinh cần làm gì để góp phần xây dựng văn hoá học đường?*	**2,0**
	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Đoạn văn phải đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (*khoảng 100 chữ*), có thể lựa chọn trình bày theo cách diễn dịch, quy nạp, hoặc phối hợp…	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Học sinh cần làm gì để góp phần xây dựng văn hoá học đường?	0,25
	c. Trình bày đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng trên cơ sở đảm bảo các ý sau: - Giải thích: Văn hoá học đường là cách ứng xử, giao tiếp có văn	1,0

	hoá trong nhà trường. - Bàn luận: + Vai trò: văn hoá học đường sẽ góp phần xây dựng truyền thống nhà trường; tạo môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh cho học sinh học tập, rèn luyện. + Giải pháp để hành động: thực hiện nghiêm nội quy; xây dựng cho bản thân lối sống lành mạnh, yêu trường lớp; kính trọng thầy cô, thân ái với bạn bè; chăm chỉ học tập và rèn luyện để bản thân tiến bộ …(bằng chứng). - Mở rộng: phê phán những hành vi tiêu cực làm ảnh hưởng đến văn hoá học đường.	
	d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (*khoảng 300 chữ*) phân tích bài thơ *Tự trào* của Nguyễn Khuyến.	**4,0**
	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của bài văn Bài văn nghị luận phải đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (*khoảng 300 chữ*).	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nội dung, nghệ thuật của bài thơ *Tự trào.*	0,25
	c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: giới thiệu về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ *Tự trào.* * Thân bài - Phân tích nội dung: + Hai câu đề: Hoàn cảnh của nhà thơ *chẳng giàu, chẳng sang*, cuộc sống bình thường của tầng lớp bình dân; ngoại hình *chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng* là cách tự trào hài hước có ý mỉa mai, chế giễu khi nhận xét về bản thân. + Hai câu thực: Công danh sự nghiệp *cờ đương dở cuộc không còn nước, bạc chửa thâu canh đã chạy làng* thể hiện việc nhà thơ phải từ bỏ giữa chừng công danh, sự nghiệp, cáo quan về quê để tránh những nhiễu nhương của thời cuộc.	3,0

	+ Hai câu luận: Tâm trạng *gàn bát sách, tít cung thang* nhấn mạnh nỗi buồn chán của một nhà nho yêu nước, thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc. + Hai câu kết: Tiếng cười sâu sắc *nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ, thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng* là lời tự trào đầy mỉa mai, châm biếm vì cảm thấy bản thân bình thường mà vẫn được ghi danh bảng vàng khoa cử. - Phân tích nghệ thuật: thể thơ thất ngôn bát cú, vần chân, ngắt nhịp chủ yếu 4/3, giọng điệu mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng nhưng sâu sắc; phép đối, điệp ngữ… kết hợp hài hoà trào phúng và trữ tình. => Khắc hoạ chân thực bức chân dung tự họa của nhà nho tự cười mình để giãi bày nỗi niềm tâm sự. * Kết bài: Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Tự trào* trong thơ ca trào phúng Việt Nam. Liên hệ bản thân.	
	d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
Tổng		**10,0**